

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 19/5/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hào

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thương  
2. Ông Lê Văn Luận

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:***  
Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST - DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý.

- Ông Nguyễn Chí T - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng 3, trung tâm thương mại Plaza số 27-29 Đại Lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa.

(Theo văn bản ủy quyền số: 25/2020/QĐ-HĐQT ngày 07/7/2020 và số 857/2021/UQ-VPB ngày 31/3/2021).

**2. Bị đơn:** Ông Lê Đình T - Sinh năm 1987.

Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: SN 46 T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là SN 03/51 đường T, phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa).

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày :*

Ngày 10/8/2017, Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là ngân hàng) và ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng số LN1707280133592, theo đó Ngân hàng đã cấp tín dụng cho ông Tài, bà Thu vay số tiền: **1.000.000.000đ**, thời hạn cho vay: 120 tháng, mục đích vay: bổ xung vốn kinh doanh buôn bán đá xẻ; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm; Mức lãi suất được cố định trong vòng 03 tháng từ ngày giải ngân. Hết 03 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, biên độ điều chỉnh 5,5%/năm. Kỳ trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, được chia làm 120 kỳ, mỗi kỳ trả 8.330.000đ, riêng kỳ cuối trả 8.730.000đ, các kỳ trả nợ được trả vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả lãi được trả cùng vào ngày trả nợ gốc; ngày trả gốc, lãi đầu tiên vào ngày 15/9/2017; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên, ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T thế chấp tài sản gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 338, tờ bản đồ số 08, địa chỉ SN 46 Tây Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 958537; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01488/7440/QĐ-UBND do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 17/8/2016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lê Đình Tài; Hợp đồng thế chấp số LN1707280133592/HĐTC ngày 10/8/2017 tại văn phòng công chứng Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, số công chứng 6298, quyền số 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T đã thanh toán được cho ngân hàng số nợ gốc là: 226.238.183đ, số tiền lãi là: 174.132.559đ. Tổng gốc và lãi đã trả là: 400.370.742đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, kể từ ngày 15/02/2019 ngân hàng đã chuyển quá hạn đối với khoản nợ ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T.

Tính đến thời điểm hiện nay (ngày 19/5/2022), ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T còn nợ ngân hàng tổng số nợ là: 1.423.973.265 đồng, trong đó nợ gốc: 773.761.817đ, nợ lãi trong hạn: 26.101.671đ, nợ lãi quá hạn: 462.138.706đ và lãi phạt chậm trả lãi là: 161.971.071đ.

Để chia sẻ một phần khó khăn của ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T, ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ lãi phạt chậm trả lãi là: 161.971.071đ.

Nay ngân đề nghị Tòa án buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T trả hết số nợ cho ngân hàng số tiền là: 1.262.002.194 đồng, trong đó nợ gốc: 773.761.817đ, nợ lãi trong hạn: 26.101.671đ, nợ lãi quá hạn: 462.138.706đ và khoản lãi phát sinh kể từ ngày 20/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Trường hợp vợ chồng ông T, bà T không trả đúng và đủ số tiền thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 338, tờ bản đồ số 08, địa chỉ SN 46 Tây Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 958537; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01488/7440/QĐ-UBND do UBND thành

phố Thanh Hóa cấp ngày 17/8/2016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lê Đình Tài để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2022 bị đơn ông Lê Đình T trình bày:

Ngày 10/8/2017 ông và vợ là bà Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số LN1707280133592 với Ngân hàng TMCP V để vay vốn ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông, bà vay số tiền 1.000.000.000đ, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh đá xẻ, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày được giải ngân, lãi suất hai bên thỏa thuận.

Để được vay số tiền trên, ông và bà T đã thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 338, tờ bản đồ số 08, địa chỉ SN 46 Tây Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 958537; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01488/7440/QĐ-UBND do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 17/8/2016 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Đình Tài; Hợp đồng thế chấp số LN1707280133592/HĐTC ngày 10/8/2017 tại văn phòng công chứng Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, số công chứng 6298, quyền số 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD. Quá trình thực hiện hợp đồng ông và bà Thu đã thanh toán được cho Ngân hàng số nợ gốc, lãi là: 400.370.742đ và do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ, ông đề nghị ngân hàng xem xét miễn khoản tiền nợ lãi và sẽ cố gắng vay mượn để trả số tiền 850.000.000đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với số nợ lãi phạt chậm trả lãi: 161.971.071đ, các nội dung khác giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 244 BLTTDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng tín dụng số LN1707280133592 ngày 10/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hộ khẩu thường trú của bị đơn và tài sản bảo đảm tại thành phố Thanh Hóa. Mặc dù hai bên đều có mục đích lợi nhuận nhưng ông Tài, bà Thu không có giấy phép kinh doanh, do đó khi xảy ra tranh chấp cần xác định đây là quan hệ tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của BLTTDS

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 1.000.000.000đ, ông T, bà T đã nhận đủ số tiền theo khế ước nhận nợ số LN1707280133592 ngày 10/8/2017, thời hạn vay 120 tháng, phương thức thanh toán được chia thành 120 kỳ, bên vay trả nợ gốc, lãi cho Ngân Hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, mỗi kỳ trả số tiền gốc là 8.330.000đ, riêng kỳ cuối trả 8.730.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Tài, bà Thu đã thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc là: 226.238.183đ, số tiền lãi là: 174.132.559đ. Tổng gốc và lãi đã trả là: 400.370.742đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã đôn đốc nhưng ông Tài, bà Thu vẫn không thể thanh toán được nợ cho Ngân hàng, nên kể từ ngày 15/02/2019 khoản nợ của ông T, bà T đã chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi ngân hàng khởi kiện, ông T đã đến Tòa án làm việc, thừa nhận vợ chồng còn nợ ngân hàng và đề nghị ngân hàng xem xét miễn khoản nợ lãi đồng thời cam kết chỉ có khả năng trả được 850.000.000đ, nhưng không đến Tòa án để hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy ông T, bà T đã vi phạm khoản 1 Điều 4 HĐTD số LN1707280133592 và khế ước nhận nợ về thời hạn và phương thức trả nợ mà hai bên đã cam kết. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 19/5/2022 với tổng số tiền là: 1.262.002.194đ (trong đó nợ gốc là 773.761.817đ; nợ lãi trong hạn 26.101.671đ; lãi quá hạn 462.138.706đ) là có căn cứ, phù hợp với Điều 1; Điều 2; Điều 4; Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số LN1707280133592 ngày 10/8/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ vào Điều 463; 466 Bộ luật dân sự; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.

[3] Xét đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Khi khởi kiện ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Lê Đình Tài, bà Nguyễn Thị Thu phải thanh toán cho ngân hàng khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi. Tuy nhiên quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với khoản nợ lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 161.971.071đ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD, giữa Ngân hàng và ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T đã ký kết HĐTC số LN1707280133592/HĐTC ngày 10/8/2017, tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 338, tờ bản đồ số 08, địa chỉ SN 46 Tây Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 958537; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01488/7440/QĐ-UBND do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 17/8/2016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lê Đình T. Việc thế chấp tài sản đã được Công chứng tại văn phòng công chứng theo đúng trình tự thủ tục pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Theo Điều 1, Điều 2 về nghĩa vụ được bảo đảm được cam kết trong HĐTC các bên thỏa thuận: Nghĩa vụ được bảo đảm: “Bao gồm nghĩa vụ trả nợ, lãi, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và các khoản phí, chi phí khác...”. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để bảo đảm việc thu hồi nợ của Ngân hàng là có

căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 24.650.000 đồng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001359 ngày 08/11/2021.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 463; Điều 466 BLDS năm 2015. Điều 6; khoản 2 Điều 26; điểm d tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

- Buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V khoản tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN1707280133592 ngày 10/8/2017, số tiền tính đến ngày 19/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm), bao gồm: nợ gốc là 773.761.817đ ; nợ lãi trong hạn 26.101.671đ ; lãi quá hạn 462.138.706đ. Tổng gốc và lãi là: 1.262.002.194đ (Một tỷ hai trăm sáu hai triệu, không trăm linh hai nghìn, một trăm chín tư đồng).

Kể từ ngày 20/5/2022, ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LN1707280133592 ngày 10/8/2017 mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 338, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: SN 46 Tây Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa (nay là SN 03/51 đường Trịnh Huy Quang, phố Tây Sơn, phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 958537; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01488/7440/QĐ-UBND do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 17/8/2016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lê Đình T, theo đồng thế chấp số LN1707280133592/HĐTC ngày 10/8/2017 để đảm bảo việc thu hồi nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 161.971.071đ do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về án phí: Ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là: 49.860.000 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 24.650.000 đồng theo biên lai thu số 0001359 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự TP.Thanh hóa

Các bên đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTPH;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADSTPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Văn Hào**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy   Lê Thị Loan**

**Ngô Thị Hà**

Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - KSV